

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 10-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Minh

2/ Ông La Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2025/TLST –HS ngày 05 Tháng 06 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Lê Nguyễn Đức T; tên gọi khác: Không có, giới tính: Nam; Ngày, tháng, năm sinh: 22/02/1995, nơi sinh: Tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi cư trú: Số nhà A, Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An(nay là xã H, tỉnh Tây Ninh); Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; chức vụ trước khi phạm tội: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Tấn K, sinh năm 1965 (sống) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965 (sống). Có 01 người em ruột, sinh năm 2000; Vợ, con: chưa có. Tiền sự, tiền án: Không có. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực 2, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Tấn K, sinh năm 1965; (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/02/2025, Lê Nguyễn Đức T rủ T1 (không xác định nhân thân lai lịch) đi uống cà phê, T1 đồng ý, T1 điều khiển xe mô tô loại Wave, màu đỏ của T1, không xác định biển số điều khiển chở T ngồi sau đi đến quán cà phê không biển hiệu tại khu dân cư X, thuộc ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh). Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày 07/02/2025, khi đến khu vực gần quán cà phê thì T nhìn thấy T2 (Thành Cổ M) không xác định nhân thân lai lịch đang đứng cặp lộ nhựa thuộc tỉnh lộ 825, ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh), cách quán cà phê khoảng 20m đến 30m, nên T kêu T1 đi vào quán cà phê trước, để T đi lại gặp T2 nói chuyện rồi vào sao, T1 đồng ý. Sau đó, T xuống xe đi bộ lại gặp T2 hỏi mua 200.000 đồng chất ma túy (dạng đá) để sử dụng, T2 đồng ý và bán cho T 01 túi nylon rãnh khếp viền đỏ, bên trong có chứa chất ma túy (dạng đá), T trả tiền mua chất ma túy cho T2 xong và lấy túi nylon chứa chất ma túy cất giấu vào túi quần phía trước bên trái đang mặc trên người rồi đi qua quán uống cà phê với T1.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày 07/02/2025, T1 điều khiển xe mô tô chở T đi về nhà T thuộc ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh) và điều khiển xe bỏ đi, còn T đi vào nhà rồi nằm ngủ.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày 07/02/2025, Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là Công an xã M, tỉnh Tây Ninh) đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi nylon có rãnh khếp viền đỏ bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của T.

Tại Kết luận giám định số 72/KL-KTHS ngày 14/02/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh L, kết luận:

“Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khếp viền đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3227 gam, loại: Methamphetamine.

Kèm theo kết luận giám định: Không có.

Bản ảnh giám định gồm 07 ảnh được lưu tại Phòng K1, Công an tỉnh L (nay là tỉnh Tây Ninh)

H lại đối tượng gửi giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2847 gam và vỏ bao đựng mẫu giám định được đóng gói niêm phong số 72”

Tại Cáo trạng số 104/CT-VKSĐH ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu

vực 3, tỉnh Tây Ninh) truy tố bị cáo Lê Nguyễn Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nguyễn Đức T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có khiếu nại đối với kết luận giám định. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại cáo trạng đồng thời phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Nguyễn Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2847 gam và vỏ bao đựng mẫu giám định được đóng gói niêm phong số 72.

Đối với người nam thanh niên tên T2 (Thành Cổ M) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị can T nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, chỉ có lời khai duy nhất của T nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người nam thanh niên tên T1 có hành vi điều khiển xe mô tô loại Wave, màu đỏ không xác định biển số chở T đến quán cà phê không xác định biển hiệu, sau đó T gặp T2 để mua chất ma túy nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, chỉ có lời khai duy nhất của T nên không có căn cứ xử lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh), phù hợp với

biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/02/2025, tại nhà của Lê Nguyễn Đức T thuộc ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh), Lê Nguyễn Đức T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy có khối lượng: 0,3227 gam, loại: Methamphetamine, nhằm mục đích để sử dụng thì bị phát hiện quả tang. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh) truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu độc quyền của nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là hiểm họa của cộng đồng và xã hội, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn tàng trữ để sử dụng. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần:

- Tịch thu tiêu hủy “Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2847 gam và vỏ bao đựng mẫu giám định được đóng gói niêm phong số 72”

[7] Đối với người nam thanh niên tên T2 (Thành Cổ M) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị can T nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, chỉ có lời khai duy nhất của T nên không có căn cứ xử lý.

[8] Đối với người nam thanh niên tên T1 có hành vi điều khiển xe mô tô loại Wave, màu đỏ không xác định biển số chở T đến quán cà phê không xác định biển hiệu, sau đó T gặp T2 để mua chất ma túy nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, chỉ có lời khai duy nhất của T nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Đức T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2025.

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Nguyễn Đức T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (10/7/2025) để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy “Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 0,2847 gam và vỏ bao đựng mẫu giám định được đóng gói niêm phong số 72”.

Các vật chứng trên do Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 119-03/6/2025 ngày 03 tháng 06 năm 2025.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 3- Tây Ninh;
- CQCSĐT CA tỉnh Tây Ninh;
- THADS và THAHS tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

